

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 26

101123  
CÔNG  
H NHIỆM  
DELOIT  
IỆT N  
ĐA -

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lưu Văn Thăng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Dương	Ủy viên
Ông La Văn Út	Ủy viên
Ông Đàm Xuân Trọng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2014)
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2014)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lưu Văn Thăng	Tổng Giám đốc
Ông Đàm Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Quang Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông La Văn Út	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lưu Văn Thăng**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015



Số: 816 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 20 tháng 3 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1675-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>186.418.787.850</b>	<b>175.111.012.472</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>62.910.959.355</b>	<b>48.939.784.001</b>
1. Tiền	111		42.910.959.355	33.939.784.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	15.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>1.116.862.200</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.866.411.070
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.749.548.870)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>81.079.404.614</b>	<b>83.614.073.616</b>
1. Phải thu khách hàng	131		55.089.446.913	69.512.751.804
2. Trả trước cho người bán	132		2.691.007.213	6.564.808.848
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	23.298.950.488	7.536.512.964
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>40.809.411.698</b>	<b>39.886.401.876</b>
1. Hàng tồn kho	141		40.918.836.940	39.995.827.118
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(109.425.242)	(109.425.242)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.619.012.183</b>	<b>1.553.890.779</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.900.000	11.900.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	16.610.111
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		315.780.110	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.291.332.073	1.525.380.668
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>1.755.921.746.620</b>	<b>2.003.347.114.700</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.662.658.902.331</b>	<b>1.931.326.867.164</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	1.628.809.130.550	1.883.289.258.590
- Nguyên giá	222		3.494.838.266.298	3.494.838.266.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.866.029.135.748)	(1.611.549.007.708)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	27.637.975.716	28.250.980.211
- Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(613.004.495)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		6.211.796.065	19.786.628.363
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>91.871.640.289</b>	<b>72.006.247.536</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>11</b>	75.000.000.000	55.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>12</b>	5.000.000.000	5.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>13</b>	66.500.000.000	66.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>14</b>	(54.628.359.711)	(54.493.752.464)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.391.204.000</b>	<b>14.000.000</b>
1. Tài sản dài hạn khác	268		1.391.204.000	14.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.942.340.534.470</b>	<b>2.178.458.127.172</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>893.491.906.590</b>	<b>1.126.346.558.491</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>389.630.332.523</b>	<b>370.398.753.054</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	262.105.894.590	258.677.272.750
2. Phải trả người bán	312		25.349.353.070	11.039.908.835
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	6.660.322.283	10.831.922.238
4. Phải trả người lao động	315		24.861.944.600	18.153.840.989
5. Chi phí phải trả	316	17	37.346.065.327	62.300.217.557
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	29.280.989.735	6.264.616.217
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.025.762.918	3.130.974.468
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>503.861.574.067</b>	<b>755.947.805.437</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	503.861.574.067	755.947.805.437
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>1.048.848.627.880</b>	<b>1.052.111.568.681</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.048.848.627.880</b>	<b>1.052.111.568.681</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		798.666.660.000	798.666.660.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
3. Cổ phiếu quỹ	414		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		206.604.956.661	195.098.088.307
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.560.213.887	24.266.415.142
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.812.366.999	45.875.974.899
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.942.340.534.470</b>	<b>2.178.458.127.172</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	42.773.872.496	36.011.686.819
2. Ngoại tệ các loại Đô la Mỹ	USD	50.039	30.281



**Phan Nhân Tri**  
 Người lập biểu



**Phạm Lý Trang Khanh**  
 Kế toán trưởng



**Lưu Văn Thăng**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	716.560.378.441	800.633.434.672
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	716.560.378.441	800.633.434.672
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	576.775.395.813	673.510.701.092
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		139.784.982.628	127.122.733.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	13.297.656.989	10.532.552.489
7. Chi phí tài chính	22	25	66.594.711.428	94.163.779.685
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.345.002.342	73.278.231.104
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.599.746.675	22.880.184.975
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		61.888.181.514	20.611.321.409
10. Thu nhập khác	31	26	2.185.285.403	45.476.090.744
11. Chi phí khác	32	26	690.294.907	7.375.590.456
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	1.494.990.496	38.100.500.288
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		63.383.172.010	58.711.821.697
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	10.910.805.211	13.748.189.094
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		52.472.366.799	44.963.632.603

Phan Nhân Tri  
Người lập biểu

Phạm Lý Trang Khanh  
Kế toán trưởng



Lưu Văn Thăng  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>63.383.172.010</b>	<b>58.711.821.697</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	255.093.132.535	254.639.478.690
Các khoản (hoàn nhập)/dự phòng	03	(1.614.941.623)	1.507.949.358
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	10.146.363.433	14.635.200.712
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(11.447.626.762)	(46.658.818.010)
Chi phí lãi vay	06	55.345.002.342	73.278.231.104
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>370.905.101.935</b>	<b>356.113.863.551</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	10.121.111.630	(17.762.918.396)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(923.009.822)	19.413.682.541
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.260.499.770	(77.513.300.377)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(1.381.204.000)	(154.732.815)
Tiền lãi vay đã trả	13	(58.092.976.726)	(79.528.106.225)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.501.624.384)	(7.170.595.437)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.825.519.550)	(7.415.323.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>310.562.378.853</b>	<b>185.982.569.592</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(328.972.727)	(16.573.346.595)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	44.390.956.050
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.399.078.293	159.023.750
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.942.943.129	9.311.183.862
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.986.951.305)</b>	<b>37.287.817.067</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(258.554.693.779)	(338.141.298.570)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.050.989.225)	(23.590.740.225)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(282.605.683.004)</b>	<b>(361.732.038.795)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>13.969.744.544</b>	<b>(138.461.652.136)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.939.784.001	187.385.335.088
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.430.810	16.101.049
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>48.939.784.001</b>	<b>48.939.784.001</b>



Phan Nhân Tri  
 Người lập biểu



Phạm Lý Trang Khanh  
 Kế toán trưởng



Lưu Văn Thăng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 18 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 798.666.660.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex góp 52%, còn lại là các cổ đông khác.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco đặt tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh của Công ty đặt tại tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 312 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 314 người).

**Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển;
- Kinh doanh nhà ở;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải đường biển;
- Dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển, cho thuê thuyền viên, môi giới hàng hải, lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, cho thuê phương tiện vận tải xăng dầu đường thủy.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính ngắn hạn và dài hạn của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn và tài sản tài chính khác.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014 (số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	12 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 26.818.946.595 đồng với thời hạn sử dụng đến năm 2057 và giá trị quyền sử dụng đất tại Đà Nẵng với nguyên giá là 1.432.033.616 đồng với thời hạn sử dụng đất lâu dài. Quyền sử dụng đất với thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao.

**Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con phản ánh khoản đầu tư vào các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được các lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này theo tỷ giá bán tại ngày này do Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam công bố (được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 2464/BTC-TCDN ngày 27 tháng 02 năm 2014 về việc đánh giá các khoản tài sản công nợ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động dịch vụ vận tải biển: Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm kể từ năm 2006.

Đối với hoạt động khác: Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	282.410.651	292.091.734
Tiền gửi ngân hàng	42.628.548.704	33.647.692.267
Các khoản tương đương tiền (i)	20.000.000.000	15.000.000.000
	<b><u>62.910.959.355</u></b>	<b><u>48.939.784.001</u></b>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao bán thành công toàn bộ số chứng khoán ngắn hạn nắm giữ đầu năm và hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích lập tương ứng.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	9.358.459.793	2.116.388.156
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	12.150.023.942	2.199.448.517
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	1.457.960.234	961.864.769
Phải thu về xử lý hao hụt	106.608.026	1.260.187.545
Các khoản phải thu khác	225.898.493	998.623.977
	<u><b>23.298.950.488</b></u>	<u><b>7.536.512.964</b></u>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.643.490.292	39.643.790.111
Công cụ, dụng cụ	275.346.648	352.037.007
	<u><b>40.918.836.940</b></u>	<u><b>39.995.827.118</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(109.425.242)</u>	<u>(109.425.242)</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u><b>40.809.411.698</b></u>	<u><b>39.886.401.876</b></u>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	2.288.936.278	174.339.147	3.491.850.750.804	524.240.069	3.494.838.266.298
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.288.936.278</u>	<u>174.339.147</u>	<u>3.491.850.750.804</u>	<u>524.240.069</u>	<u>3.494.838.266.298</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	1.795.212.454	174.339.147	1.609.122.760.378	456.695.729	1.611.549.007.708
Khấu hao trong năm	123.430.956	-	254.289.152.744	67.544.340	254.480.128.040
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.918.643.410</u>	<u>174.339.147</u>	<u>1.863.411.913.122</u>	<u>524.240.069</u>	<u>1.866.029.135.748</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	<u>370.292.868</u>	<u>-</u>	<u>1.628.438.837.682</u>	<u>-</u>	<u>1.628.809.130.550</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>493.723.824</u>	<u>-</u>	<u>1.882.727.990.426</u>	<u>67.544.340</u>	<u>1.883.289.258.590</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.431.925.206.062 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.881.010.900.680 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.887.531.214 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.348.486.864 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	28.250.980.211
Tại ngày 31/12/2014	28.250.980.211
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	-
Khấu hao trong năm	613.004.495
Tại ngày 31/12/2014	613.004.495
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2014	27.637.975.716
Tại ngày 31/12/2013	28.250.980.211

Tài sản cố định vô hình phản ánh quyền sử dụng đất tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 26.818.946.595 đồng với thời hạn sử dụng đến năm 2057 và giá trị quyền sử dụng đất tại Đà Nẵng với nguyên giá là 1.432.033.616 đồng với thời hạn sử dụng đất lâu dài.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	100	100	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển

Số tiền đầu tư vào các công ty con như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	60.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	15.000.000.000	15.000.000.000
	<b>75.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang. Thông tin về công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	20	20	Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ hàng hải khác, dịch vụ vận tải và đại lý kinh doanh xăng dầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác phản ánh số tiền Công ty mua cổ phần của các công ty sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần An Phú	53.500.000.000	53.500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu	7.000.000.000	7.000.000.000
Nước giải khát Sài Gòn		
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu	6.000.000.000	6.000.000.000
Hàng không Miền Nam		
	<u>66.500.000.000</u>	<u>66.500.000.000</u>

**14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư công ty liên kết	(2.978.715.404)	(2.793.752.464)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (i)	(51.649.644.307)	(51.700.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<u>(54.628.359.711)</u>	<u>(54.493.752.464)</u>

(i) Bao gồm giá trị dự phòng trích lập cho các loại cổ phiếu sau:

- a) Dự phòng giảm giá 625.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú với số tiền 51.500.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 51.500.000.000 đồng). Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào giá giao dịch trung bình cung cấp bởi ba công ty chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- b) Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số tiền 149.644.307 đồng. Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào tỷ lệ góp vốn thực tế và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính	105.795.882.090	104.411.960.250
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	64.215.000.000	63.375.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	92.095.012.500	90.890.312.500
	<u>262.105.894.590</u>	<u>258.677.272.750</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.580.596.033	3.239.661.059
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.601.354.677	7.192.173.850
Thuế thu nhập cá nhân	704.000	378.230.587
Thuế khác	477.667.573	21.856.742
	<u>6.660.322.283</u>	<u>10.831.922.238</u>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (i)	19.252.420.600	34.893.319.500
Chi phí lãi vay phải trả	13.003.505.820	15.795.034.323
Chi phí phải trả khác	5.090.138.907	11.611.863.734
	<u>37.346.065.327</u>	<u>62.300.217.557</u>

- (i) Căn cứ theo Công văn số 7499/BTC-CĐKT ngày 08 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính trả lời Công ty về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển theo chu kỳ 2 năm/lần lên đà sửa chữa. Số dư trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm chi phí sửa chữa lớn trích trước của năm 2014 chưa quyết toán và 1/2 chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đối với các con tàu phải lên đà sửa chữa trong năm 2015.

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	730.869.416	679.772.496
Cổ tức phải trả (*)	23.754.543.350	485.532.975
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	670.151.381	201.904.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	2.149.427.412	2.925.493.933
Phải trả khác	1.975.998.176	1.971.912.813
	<u>29.280.989.735</u>	<u>6.264.616.217</u>

- (\*) Phản ánh số dư phải trả cổ đông về số cổ tức được tạm ứng từ lợi nhuận năm 2014 với tỷ lệ 3% theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐQT-VITACO của Hội đồng Quản trị ngày 05 tháng 12 năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính (i)	256.796.031.157	357.848.828.187
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (ii)	288.967.500.000	348.562.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	220.203.937.500	308.213.750.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>(262.105.894.590)</u>	<u>(258.677.272.750)</u>
	<b>503.861.574.067</b>	<b>755.947.805.437</b>

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	262.105.894.590	258.677.272.750
Trong năm thứ hai	258.902.754.067	258.677.272.750
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	244.958.820.000	497.270.532.687
	<u>765.967.468.657</u>	<u>1.014.625.078.187</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	262.105.894.590	258.677.272.750
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>503.861.574.067</b>	<b>755.947.805.437</b>

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm những khoản vay sau:

- (i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính bao gồm 02 hợp đồng vay:
- Hợp đồng số 01/2008/Vitaco.VCB-HĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2008 với tổng số tiền vay là 15.000.000 USD và 137.374.760.675 đồng tương đương với 7.400.000 USD. Theo Phụ lục số 01/2008/VITACO.VCB-HĐTD ngày 09 tháng 9 năm 2008, khoản nợ vay bằng VND đã được chuyển đổi thành khoản nợ vay USD là 8.288.070 USD. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư cho Dự án tàu chở dầu Petrolimex 12 trọng tải 13.000 DWT. Kỳ hạn thanh toán là 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Theo Phụ lục số 04/2014/Vitaco.VCB-HĐTD ngày 20 tháng 8 năm 2014, lãi suất được quy định là LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên 2,5%/năm, tuy nhiên mức lãi suất sàn áp dụng không thấp hơn 8,0%/năm. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Petrolimex 12 và quyền lợi bảo hiểm con tàu, cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 4.865.111,50 USD (tương đương 104.137.711.657 đồng).
  - Hợp đồng số 02/2008/Vitaco.VCB-HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2008 với tổng số tiền cho vay là 22.500.000 USD, nhằm mục đích đầu tư cho Dự án tàu chở dầu Petrolimex 14 trọng tải 13.000 DWT. Kỳ hạn thanh toán là 120 tháng, thanh toán định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất được quy định là lãi suất huy động tiết kiệm bằng USD kỳ hạn 12 tháng của cá nhân trả lãi sau mà Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương công bố vào ngày xác định lãi suất cộng với lãi suất biên và không thấp hơn lãi suất cho vay ưu đãi của Ngân hàng. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Petrolimex 14 và quyền lợi bảo hiểm con tàu, cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 7.131.900 USD (tương đương 152.658.319.500 đồng).

Tổng số dư nợ gốc vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 256.796.031.157 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay dài hạn đồng tài trợ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) làm đầu mối theo Hợp đồng số 20/2008/Vitaco-HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2008. Số tiền vay tối đa là 30.000.000 USD, dùng để đầu tư cho dự án mua tàu Petrolimex 11. Thời hạn vay là 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất được quy định theo Phụ lục số 20/2008/VITACO-HĐTD/PL05 ngày 20 tháng 6 năm 2012, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 (ba) tháng/lần, và bằng lãi suất trung bình của lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của PGBank và BIDV- SDG1 cộng (+) biên độ 3,2%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PVFC (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt nam - PV Combank) tại ngày xác định lãi suất. Trong đó, lãi suất cho vay tối thiểu của PVFC là lãi suất sử dụng vốn tối thiểu do Tổng Giám đốc PVFC phê duyệt/ban hành tại từng thời kỳ và được PVFC thông báo cho ngân hàng đầu mối tại ngày xác định lãi suất. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 13.500.000 USD (tương đương 288.967.500.000 đồng).
- (iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 0007/TD1/06CN ngày 22 tháng 11 năm 2006. Số tiền vay tối đa là 39.900.000 USD, dùng để thanh toán 80% tiền mua tàu Petrolimex 09. Thời hạn vay 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Theo Phụ lục số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2013, lãi suất được quy định là lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên 2%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 10.287.500 USD (tương đương 220.203.937.500 đồng).

Ngày 06 tháng 5 năm 2009 và ngày 11 tháng 5 năm 2009, Công ty đã ký kết hai hợp đồng hoán đổi lãi suất với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex để phòng ngừa rủi ro lãi suất cho Hợp đồng tín dụng số 0007/TD1/06CN. Theo đó, thay vì phải trả lãi theo lãi suất biến đổi, Công ty sẽ trả lãi với mức lãi suất cố định cho hợp đồng nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>798.666.660.000</b>	<b>(160.015.910)</b>	<b>(11.635.553.757)</b>	<b>181.133.187.959</b>	<b>21.801.790.645</b>	<b>49.292.489.941</b>	<b>1.039.098.558.878</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	44.963.632.603	44.963.632.603
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(23.659.999.800)	(23.659.999.800)
Trích các quỹ	-	-	-	13.964.900.348	2.464.624.497	(24.720.147.845)	(8.290.623.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>798.666.660.000</b>	<b>(160.015.910)</b>	<b>(11.635.553.757)</b>	<b>195.098.088.307</b>	<b>24.266.415.142</b>	<b>45.875.974.899</b>	<b>1.052.111.568.681</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.472.366.799	52.472.366.799
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(47.319.999.600)	(47.319.999.600)
Trích các quỹ (ii)	-	-	-	11.506.868.354	2.293.798.745	(22.215.975.099)	(8.415.308.000)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>798.666.660.000</b>	<b>(160.015.910)</b>	<b>(11.635.553.757)</b>	<b>206.604.956.661</b>	<b>26.560.213.887</b>	<b>28.812.366.999</b>	<b>1.048.848.627.880</b>

(i) Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2014 với tỷ lệ là 3% tương ứng với số tiền là 23.659.999.800 đồng và tạm chi trả cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết số 61/NQ-HDQT-VITACO của Hội đồng Quản trị ngày 05 tháng 12 năm 2014 với tỷ lệ 3% tương ứng với số tiền là 23.659.999.800 đồng.

(ii) Công ty thực hiện trích các quỹ trong năm bao gồm 11.506.868.354 đồng, 2.293.798.745 đồng và 8.415.308.000 lần lượt là số tiền trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thực hiện năm 2013 theo Nghị quyết số của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 của Công ty ngày 15 tháng 4 năm 2014.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2014	31/12/2013
			VND	VND
Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex	414.652.170.000	52	414.652.170.000	414.652.170.000
Các cổ đông khác	384.014.490.000	48	384.014.490.000	384.014.490.000
	<b>798.666.660.000</b>	<b>100</b>	<b>798.666.660.000</b>	<b>798.666.660.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	79.866.666
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	78.866.666

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	716.560.378.441	800.633.434.672
Trong đó:		
Doanh thu vận tải	704.334.246.345	792.025.439.685
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	12.226.132.096	8.607.994.987
	<b>716.560.378.441</b>	<b>800.633.434.672</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>716.560.378.441</b>	<b>800.633.434.672</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ vận tải	568.782.376.269	667.278.568.034
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	7.993.019.544	6.232.133.058
	<b>576.775.395.813</b>	<b>673.510.701.092</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.808.842.980	197.256.554.461
Chi phí nhân công	79.946.995.560	74.711.047.956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	255.093.132.535	254.639.478.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	184.916.690.498	123.412.573.247
Chi phí khác	44.609.480.915	46.371.231.713
	<b>601.375.142.488</b>	<b>696.390.886.067</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.544.058.143	5.872.340.526
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.372.747.568	3.438.843.336
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	380.851.278	1.221.368.627
	<b>13.297.656.989</b>	<b>10.532.552.489</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	55.345.002.342	73.278.231.104
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.249.108.327	4.742.398.511
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Hoàn nhập)/Dự phòng các khoản đầu tư	10.146.363.433 (1.614.941.623)	14.635.200.712 1.507.949.358
Chi phí đầu tư chứng khoán	1.469.178.949	-
	<b>66.594.711.428</b>	<b>94.163.779.685</b>

**26. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	44.390.956.050
Các khoản thu nhập khác	2.185.285.403	1.085.134.694
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.185.285.403</b>	<b>45.476.090.744</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	7.065.321.902
Các khoản chi phí khác	690.294.907	310.268.554
<b>Chi phí khác</b>	<b>690.294.907</b>	<b>7.375.590.456</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.494.990.496</b>	<b>38.100.500.288</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>63.383.172.010</b>	<b>58.711.821.697</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>1.872.611.287</b>	<b>3.545.278.666</b>
- <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>145.120.608</i>	<i>-</i>
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>1.727.490.679</i>	<i>3.545.278.666</i>
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>11.382.288.336</b>	<b>3.575.943.007</b>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>11.372.747.568</i>	<i>3.438.843.336</i>
- <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>9.540.768</i>	<i>137.099.671</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>53.873.494.961</b>	<b>58.681.157.356</b>
<i>Trong đó: Thu nhập hoạt động chính</i>	<i>47.068.184.022</i>	<i>18.442.004.891</i>
<i>Thu nhập hoạt động khác</i>	<i>6.805.310.939</i>	<i>40.239.152.465</i>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
<i>Trong đó: Thuế suất hoạt động chính</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<i>Thuế suất hoạt động khác</i>	<i>22%</i>	<i>25%</i>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>10.910.805.211</b>	<b>13.748.189.094</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.910.805.211</b>	<b>13.748.189.094</b>

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.430.360.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.430.360.000	-
	<b>4.860.720.000</b>	<b>-</b>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 628 m<sup>2</sup> lầu 8 và lầu 9, tòa nhà Viet Dragon tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê 02 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	765.967.468.657	1.014.625.078.187
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	62.910.959.355	48.939.784.001
Nợ thuần	703.056.509.302	965.685.294.186
Vốn chủ sở hữu	<u>1.048.848.627.880</u>	<u>1.052.111.568.681</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,67</u></b>	<b><u>0,92</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.910.959.355	48.939.784.001
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.162.498.908	77.049.264.768
Đầu tư ngắn hạn	-	1.116.862.200
Đầu tư dài hạn	9.000.000.000	8.800.000.000
Tài sản tài chính khác	1.391.204.000	14.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>151.464.662.263</u></b>	<b><u>135.919.910.969</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	765.967.468.657	1.014.625.078.187
Phải trả người bán và phải trả khác	53.899.473.389	16.624.752.556
Chi phí phải trả	37.346.065.327	62.300.217.557
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>857.213.007.373</u></b>	<b><u>1.093.550.048.300</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	787.929.480.911	1.030.598.718.484	1.071.079.658	3.308.371.865
Đô la Singapore (SGD)	1.007.510.031	2.620.814.895	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(39.342.920.063)	(51.364.517.331)
Đô la Singapore (SGD)	(50.375.502)	(131.040.745)

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Như trình bày tại Thuyết minh số 19, để phòng ngừa rủi ro lãi suất, Công ty đã ký kết hợp đồng hoán đổi lãi suất cho các hợp đồng tín dụng với số dư ngoại tệ (USD) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10.287.500 USD. Các khoản vay còn lại chịu lãi suất thả nổi theo quy định cụ thể từng hợp đồng.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	<u>Tăng/Giảm số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>		<b>VND</b>
VND	+200	(10.915.270.623)
VND	-200	10.915.270.623
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>		
VND	+200	(14.128.226.564)
VND	-200	14.128.226.564

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ Công ty mẹ và một số lượng hạn chế khách hàng.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO**

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,

**Báo cáo tài chính riêng**

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.910.959.355	-	62.910.959.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.162.498.908	-	78.162.498.908
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.391.204.000	1.391.204.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>141.073.458.263</b>	<b>10.391.204.000</b>	<b>151.464.662.263</b>
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	53.899.473.389	-	53.899.473.389
Chi phí phải trả	37.346.065.327	-	37.346.065.327
Các khoản vay	262.105.894.590	503.861.574.067	765.967.468.657
<b>Tổng cộng</b>	<b>353.351.433.306</b>	<b>503.861.574.067</b>	<b>857.213.007.373</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(212.277.975.043)</b>	<b>(493.470.370.067)</b>	<b>(705.748.345.110)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.939.784.001	-	48.939.784.001
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.049.264.768	-	77.049.264.768
Đầu tư ngắn hạn	1.116.862.200	-	1.116.862.200
Đầu tư dài hạn	-	8.800.000.000	8.800.000.000
Tài sản tài chính khác	-	14.000.000	14.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>127.105.910.969</b>	<b>8.814.000.000</b>	<b>135.919.910.969</b>
<b>31/12/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	16.624.752.556	-	16.624.752.556
Chi phí phải trả	62.300.217.557	-	62.300.217.557
Các khoản vay	258.677.272.750	755.947.805.437	1.014.625.078.187
<b>Tổng cộng</b>	<b>337.602.242.863</b>	<b>755.947.805.437</b>	<b>1.093.550.048.300</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(210.496.331.894)</b>	<b>(747.133.805.437)</b>	<b>(957.630.137.331)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính; tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính trong tương lai và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Phan Nhân Tri  
Người lập biểu



Phạm Lý Trang Khanh  
Kế toán trưởng



Lưu Văn Thăng  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015